

Số : 14/KH-THCSTVT

Nam Định, ngày 24 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 08/08/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2025; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện chương trình công tác năm 2025 của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình; kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 19/9/2025 của Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình về Kế hoạch chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2025

Trường THCS Tông Văn Trân xây dựng Kế hoạch về Chuyển đổi số trong nhà trường cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nhà trường tạo nền tảng cho đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục theo hướng hiện đại, linh hoạt, công bằng và hội nhập quốc tế. Đồng thời, nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, khuyến khích tính đổi mới sáng tạo, khơi dậy tinh thần tự học, tự bồi dưỡng và phát triển văn hóa số trong trường học qua đó nâng cao chất lượng dạy, học đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên số.
- Tập trung xây dựng hạ tầng số đồng bộ, phát triển đội ngũ CBQL, GV, NV và học sinh trong toàn trường có năng lực số, kỹ năng số đáp ứng yêu cầu của thời đại.
- Hoàn thiện các nền tảng và dịch vụ số phục vụ dạy, học và quản trị giáo dục, đảm bảo tính minh bạch và thuận lợi. Tăng cường cải cách hành chính, triển khai khai thác hiệu quả dịch vụ công trực tuyến kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, truyền thông

- 100% CBQL, GV, NV nhà trường hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia và phong trào “Bình dân học vụ số”, gắn với nhiệm vụ trọng tâm của năm học.
- Trang thông tin điện tử của nhà trường có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06.

2.2. Về hạ tầng số

Phân đầu lắp mạng nội bộ (LAN) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và hoàn thiện chuyển đổi số sang địa chỉ IPv6

2.3 Về nhân lực số

- 100% CBQL, GV, NV có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức, kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng dịch vụ số để phục vụ công việc.

- 100% học sinh được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng đảm bảo an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.

2.4 Về phát triển dữ liệu số

- Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.

- Triển khai nguồn học liệu số theo chương trình GDPT mới.

2.5 Về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số

- Triển khai các nhiệm vụ hành chính, dịch vụ công trực tuyến, giải quyết các thủ tục hành chính của giáo dục.

- Triển khai các phần mềm, ứng dụng công nghệ hiện đại phục vụ công tác quản lý, dạy học.

- 100% CBQL, GV, NV được cấp chứng thư chữ kí số, chứng thư chữ kí điện tử.

- Triển khai sử dụng học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Thanh toán các khoản dịch vụ giáo dục theo quy định không dùng tiền mặt.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, xây dựng thể chế; kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyển đổi số

- Xây dựng, kiện toàn bộ phận phụ trách CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục (*phụ lục đính kèm*)

- Ban hành và công khai Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trên website nhà trường.

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện và ban hành các văn bản về chuyển đổi số theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên, các quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng, phân công trách nhiệm cụ thể về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước về an ninh mạng, thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu và các quy định pháp luật khác đối với hệ thống CNTT, cơ sở dữ liệu, các phần mềm, ứng dụng đang triển khai như: các hệ thống

mạng; các phòng học và trang thiết bị về CNTT; công thông tin điện tử; hệ thống quản lí văn bản và điều hành; phần mềm dạy học trực tuyến; phần mềm quản trị, quản lý nhà trường; phần mềm học bạ số; các hệ thống cơ sở dữ liệu và các hệ thống phần mềm khác.

- Triển khai, tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo hướng dẫn, đảm bảo mức độ chuyển đổi số tối thiểu ở mức độ 2 theo quy định.

2. Đảm bảo điều kiện về hạ tầng số, an toàn thông tin mạng

- Kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng, đề xuất nhu cầu các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT, các hệ thống thông tin, phần mềm, nhân lực, kinh phí... để triển khai hiệu quả công tác CNTT, chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý, điều hành và tổ chức dạy, học của nhà trường.

- Rà soát đảm bảo An ninh mạng, an toàn hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nâng cấp hệ thống nhằm khắc phục kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố về kỹ thuật, tránh nguy cơ không đảm bảo an toàn về an ninh mạng, an toàn hệ thống dẫn tới lộ, mất dữ liệu cá nhân.

- Quy định rõ trách nhiệm về bảo vệ tài khoản, an toàn thông tin mạng, quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; quản lý tài khoản truy cập, không dùng chung tài khoản, đặt mật khẩu có độ phức tạp.

- Đối với việc quản lý, sử dụng các trang thiết bị CNTT khác cần cài đặt các phần mềm có bản quyền, cài đặt thường xuyên và cập nhật phiên bản mới...bật các tính năng của tường lửa, thường xuyên sao lưu các dữ liệu cần thiết và các biện pháp kỹ thuật khác.

3. Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho 100% CB, GV, NV trong nhà trường kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, các nền tảng, dịch vụ số phục vụ cho công việc, triển khai có hiệu quả khung năng lực số và giáo dục kỹ năng số cho học sinh. Ưu tiên các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào các công việc quản lý, quản trị, dạy, học.

- Xây dựng và triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo từng khối và theo quy định của Bộ GDĐT.

4. Phát triển dữ liệu số

- Tiếp tục triển khai các phần mềm phục vụ công tác quản lý, tổ chức dạy, học hỗ trợ kiểm tra đánh giá học sinh, phần mềm có khả năng kết nối liên thông trao đổi

đục liệu với các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu, bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

- Tiếp tục triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, hệ thống thông tin phổ cập giáo dục xóa mù chữ và các hệ thống thông tin khác của Bộ GDĐT.

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm và trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, đồng nhất, đúng quy trình theo yêu cầu của Bộ GDĐT. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thường xuyên, định kì.

- Xây dựng kho học liệu số của nhà trường theo chương trình GDPT mới.

5. Chính quyền số, kinh tế số, Xã hội số

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06, nhiệm vụ cải cách hành chính và các dịch vụ công trực tuyến ngành giáo dục đáp ứng các mục tiêu chung.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ về Học bạ số theo Kế hoạch của Bộ GDĐT.

- Triển khai thu khoản thu dịch vụ giáo dục theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tiếp tục khai thác sử dụng các ứng dụng trong nội bộ nhà trường góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử; Quản lý hồ sơ sổ sách giáo dục; Dịch vụ, ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường.

6. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin.

- Đẩy mạnh công tác truyền truyền nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, NV và học sinh về vai trò và kết quả của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến, tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn.

- Thường xuyên cập nhật, phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số, công tác thống kê giáo dục, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin. Có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06 trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia và phong trào “Bình dân học vụ số”.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Chi tiết phụ lục đính kèm

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn huy động hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan và các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Xây dựng Kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số năm học 2025-2026. Ưu tiên bố trí các nguồn lực về CNTT và chuyển đổi số của nhà trường.

- Định kỳ hàng tháng (trước ngày 20), hàng quý (trước ngày 20 cuối quý) và năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về UBND phường Nam Định theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số ngành giáo dục đào tạo năm 2025 của trường THCS Tống Văn Trân, yêu cầu các bộ phận có liên quan, CBQL, GV, NV và học sinh toàn trường nghiêm túc thực hiện, trong quá trình triển khai nên có vướng mắc liên hệ về bộ phận chuyển đổi số của nhà trường để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH (để báo cáo);
- HĐSP, Ban HĐNGLL (để thực hiện)
- Các lớp (để thực hiện)
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Thị Thanh Thủy